TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 256/2023/DS-PT.
Ngày: 25-7-2023
V/v: "Tranh chấp QSD đất; Vô hiệu hợp đồng ủy quyền, vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

Các Thẩm phán: 1. Bà Trịnh Thị Phúc

2. Bà Trần Thị Thanh Thúy

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Mai Yến Khanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kim Chung- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 146/2023/TLPT-DS ngày 05 tháng 6 năm 2023 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất, vô hiệu hợp đồng ủy quyền, vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 188/2023/QĐ-PT ngày 19 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 185/2023/QĐ-PT ngày 04 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đoàn Hữu N, sinh năm 1993.

Địa chỉ: số C6/49B tổ 6, ấp 3, xã B, huyện B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Trịnh Ngọc Anh K, sinh năm 1984.

Địa chỉ: số E8/3 T, thị trấn T, B, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 24/02/2021).

2. Bị đơn: Bà Lưu Thị B, sinh năm 1968.

Địa chỉ: số 134 ấp 4, xã Q, huyện T, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Phan Văn M, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp H, xã H1, huyện C, tỉnh Bến Tre.

3.2. Bà Lê Thị T T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp 2, xã N, huyện T1, tỉnh Long An.

3.3. Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1968.

3.4. Ông Lê Trung H, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: số 92/2 đường N2, Phường 4, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của bà Huỳnh Thị T: ông Lê Trung H sinh năm 1969. (Văn bản ủy quyền ngày 27/8/2022).

3.5. Bà Đoàn Thị Thanh T, sinh năm: 1993.

3.6. Ông Lê Quốc T, sinh năm 1994.

Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã M, huyện T1, tỉnh Long An.

3.7. Văn phòng công chứng Bến Lức

Địa chỉ: số 154-155 Nguyễn Văn Siêu, ấp Tấn Long, xã Thanh Phú, huyện B, tỉnh Long An.

3.8. Văn phòng công chứng N.

Địa chỉ: số 17A Nguyễn Trung Trực, khu phố Bình Hòa, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

3.9. Văn phòng công chứng Lê Thị T.

Địa chỉ: ấp 1, xã N, huyện B, tỉnh Long An.

3.10. Văn phòng công chứng Hồ Thị Hồng Linh.

Địa chỉ: số 07 Đỗ Tường Phong, phường 2, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

3.11. Ông Trương Công D, sinh năm 1964.

3.12. Trương Quốc P, sinh năm 1990.

3.13. Nguyễn Thị P, sinh năm 1948.

Cùng địa chỉ: số 134, ấp 4, xã Q, huyện T, tỉnh Long An.

3.14. Bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1994.

Địa chỉ: số 5/29A tổ 5, ấp 4, xã T3, huyện B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Cẩm T: Ông Trịnh Ngọc Anh K, sinh năm 1984.

Địa chỉ: số E8/3 T, thị trấn T, huyện B1, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 16/02/2023).

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Đoàn Hữu N.

5. *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Đoàn Hữu N và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền là ông Trịnh Ngọc Anh K như sau: Ông Đoàn Hữu N được Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 487, tờ bản đồ số 9, diện tích 768,7m^2 tọa lạc ấp 4, xã Q, huyện T, tỉnh Long An ngày 25/01/2021. Nguồn gốc thửa đất là do ông N nhận chuyển nhượng của ông Lê Quốc T tháng 12/2020.

Trên thửa đất số 487 có căn nhà cấp 4, do chưa có kế hoạch sử dụng nên ông N không có sinh sống trong căn nhà này mà chỉ thỉnh thoảng đến kiểm tra đất. Khoảng tháng 02/2021, ông N phát hiện bà Lưu Thị B đang quản lý sử dụng nhà và đất.

Nay ông N yêu cầu bà B di dời tài sản và trả lại nhà và đất trên cho ông N. Ông N không đồng ý theo cầu phản tố của bà B. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà B thì ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông N với Lê Quốc T, Đoàn Thị Thanh T. Ông N sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả hợp đồng trong vụ án khác.

Bị đơn bà Lưu Thị B trình bày: Bà đang quản lý sử dụng thửa đất số 487, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại ấp 4, xã Q, huyện T, tỉnh Long An. Nguồn gốc đất do mẹ bà tên Nguyễn Thị P tặng cho năm 2019. Trên đất có căn nhà cấp 4 được xây dựng khoảng 16 năm, gia đình bà sinh sống từ trước cho đến nay.

Bà không đồng ý theo toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông N. Lý do, năm 2019, bà có vay của ông Phan Văn M số tiền 100.000.000đồng. Ngày 24/4/2019, ông M yêu cầu bà đến Văn phòng công chứng Lê Thị T ký hợp đồng ủy quyền để đảm bảo cho số tiền bà vay chứ không phải hợp đồng ủy quyền cho ông M toàn quyền quyết định thửa đất số 487, tờ bản đồ số 9. Bà có giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 487 cho ông M giữ. Sau đó, bà có yêu cầu ông M trả bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông M viết giấy hẹn trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đến nay không trả.

Sau đó, bà biết được ông M tự ý chuyển nhượng thửa đất số 487 của bà cho bà Lê Thị T T. Bà T chuyển nhượng thửa đất này cho bà Huỳnh Thị T. Bà T1 chuyển nhượng lại cho ông Lê Quốc T. Ông T chuyển nhượng lại cho ông N.

Bà có đến gặp bà T để chuộc lại giấy tờ thì bà T yêu cầu trả số tiền là 600.000.000đồng. Bà T chuyển nhượng cho bà T1 thì bà có đến gặp bà T1, bà T1 yêu cầu bà trả số tiền 620.000.000đồng, do không có tiền chuộc lại bà T1 lại chuyển nhượng cho ông T.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Vô hiệu Hợp đồng ủy quyền ngày 24/4/2019 giữa bà Lưu Thị B và ông Phan Văn M được Văn phòng công chứng Lê Thị T chứng nhận.

- Vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 02/5/2019 giữa bà Lưu Thị B (do Phan Văn M đại diện theo ủy quyền) bà Lê Thị T T được Văn phòng công chứng Bến Lức chứng nhận.

- Vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 30/8/2019 giữa bà Lê Thị T T và bà Huỳnh Thị T được Văn phòng công chứng N chứng nhận.

- Vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 13/10/2020 giữa bà Huỳnh Thị T, ông Lê Trung H và ông Lê Quốc T được Văn phòng công chứng Lê Thị T chứng nhận.

- Vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 31/12/2020 giữa ông Lê Quốc T, bà Đoàn Thị Thanh T và ông Đoàn Hữu N được Văn phòng công chứng Hồ Thị Hồng Linh chứng nhận.

Hiện nay, bà sinh sống trên thửa đất này cùng chồng bà là ông Trương Công D, con Trương Quốc P, mẹ bà là Nguyễn Thị P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn M vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng nên không có ý kiến trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T T có đơn đề nghị vắng mặt và có ý kiến trình bày: Năm 2019, bà có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa số 487, tờ bản đồ số 9 của ông Phan Văn M với giá ghi tại hợp đồng là 400.000.000đồng, nhưng giá thực tế là 460.000.000đồng. Sau đó, bà đã chuyển nhượng thửa đất số 487 này cho bà Huỳnh Thị T, ông Lê Trung H với giá 420.000.000đồng. Bà không đồng ý theo yêu cầu của bà B. Bà không còn liên quan gì về việc tranh chấp giữa các bên. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà B thì bà B tự giải quyết hậu quả. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Quốc T có đơn đề nghị vắng mặt nhưng có ý kiến như sau: Ông và bà Đoàn Thị Thanh T là vợ chồng. Ông và bà T không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà B vì ông nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp theo đúng quy định của pháp luật, đã được Văn phòng công chứng chứng thực. Ông đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông N đối với bà B. Ông không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị Thanh T và Văn phòng công chứng N có đơn đề nghị vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Trung H đồng thời là người đại diện cho bà Huỳnh Thị T có đơn đề nghị vắng mặt và có ý kiến như sau: Ông

có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa số 487, tờ bản đồ số 9 từ bà Lê Thị T T và đã đưa tiền đầy đủ cho bà T. Sau đó, ông đã chuyển nhượng thửa đất trên cho ông Lê Quốc T và đã nhận đủ tiền. Ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà B vì việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất diễn ra hợp pháp. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà B thì ông không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vì ông không còn quyền lợi gì đối với quyền sử dụng đất này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng Hồ Thị Hồng Linh có đơn đề nghị vắng mặt và có ý kiến trình bày: Ngày 31/12/2020, ông Lê Quốc T có đến Văn phòng công chứng Hồ Thị Hồng Linh để chứng nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Công chứng viên có tiếp nhận hồ sơ và kiểm tra giấy tờ tùy thân các bên, giấy tờ về tài sản, xét thấy các bên có đủ điều kiện để giao kết Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng Lê Thị T có đơn đề nghị vắng mặt và có ý kiến như sau:

Đối với hợp đồng ủy quyền giữa bà Lưu Thị B và ông Phan Văn M: Ngày 24/4/2019, bà B và ông M có đến Văn phòng công chứng Lê Thị T yêu cầu công chứng hợp đồng ủy quyền. Xét thấy, các bên đủ tư cách pháp lý và phạm vi ủy quyền không vi phạm điều cấm và không trái quy định pháp luật nên Văn phòng công chứng Lê Thị T đã chứng nhận hợp đồng ủy quyền được giao kết giữa hai bên là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật.

Đối với Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 13/10/2020 giữa Huỳnh Thị T, Lê Trung H và Lê Quốc T: Tại thời điểm công chứng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bà T1 và ông H là chủ sử dụng quyền sử dụng đất thửa số 487, tờ bản đồ số 9 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở tài sản khác gắn liền với đất số CQ 824436, số vào sổ CS 08589 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 03/4/2019 do bà Huỳnh Thị T đứng tên chủ sử dụng. Bà T1, ông H thỏa thuận chuyển nhượng cho ông T được Văn phòng công chứng Lê Thị T chứng nhận ngày 13/10/2020 là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng Bến Lức có đơn đề nghị vắng mặt và có ý kiến như sau: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 04203, quyển số 01-2019-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 02/5/2019 tại thửa đất số 487, tờ bản đồ số 9, tọa lạc ấp 4, xã Q, huyện T, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở tài sản khác gắn liền với đất số CQ 824436, số vào sổ CS 08589 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh

Long An cấp ngày 03/4/2019 được thực hiện đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Công D, ông Trương Quốc P, bà Nguyễn Thị P vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Cẩm T do ông Trịnh Ngọc Anh K đại diện trình bày: Bà Tiên là vợ của ông N. Bà Tiên thống nhất với lời trình bày của ông N, không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Vụ án được Tòa án nhân dân huyện T tiến hành hòa giải nhưng các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 09/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện T đã tuyên:

Áp dụng khoản 3, khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 124, Điều 408, Điều 500 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Hữu N về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" với bà Lưu Thị B.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Hữu N về việc yêu cầu bà Lưu Thị B di dời tài sản trả nhà và đất thuộc thửa số 487, tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại Ấp 4, xã Q, huyện T, tỉnh Long An theo Mảnh trích đo địa chính số 68-2022 do Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Trung Nghĩa đo vẽ được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T duyệt ngày 07/4/2022.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lưu Thị B về việc "Yêu cầu vô hiệu hợp đồng ủy quyền, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" với ông Phan Văn M, bà Lê Thị T T, bà Huỳnh Thị T, ông Lê Trung H, bà Đoàn Thị Thanh T, ông Lê Quốc T, ông Đoàn Hữu N.

Vô hiệu Hợp đồng ủy quyền số công chứng 697, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD giữa bà Lưu Thị B và ông Phan Văn M được Văn phòng công chứng Lê Thị T chứng nhận ngày 24/4/2019.

Vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 04203, quyển số 01-2019-/TP/CC-SCC/HĐGD giữa ông Phan Văn M và bà Lê Thị T T được Văn phòng công chứng Bến Lức chứng thực ngày 02/5/2019.

Vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 2848/2019; quyển số 04/TP/CC-SCC/HĐGD giữa bà Lê Thị T T và bà Huỳnh Thị T được Văn phòng công chứng N chứng nhận ngày 30/8/2019.

Vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 3146, quyển số 02/TP/CC-SCC/HĐGD giữa bà Huỳnh Thị T, ông Lê Trung H và ông Lê Quốc T được Văn phòng công chứng Lê Thị T chứng nhận ngày 13/10/2020.

Vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 4589, quyển số 12/TP/CC-SCC/HĐGD giữa ông Lê Quốc T, bà Đoàn Thị Thanh T và ông Đoàn Hữu N được Văn phòng công chứng Hồ Thị Hồng Linh chứng nhận ngày 31/12/2020.

Buộc ông Đoàn Hữu N trả bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 782742 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 25/01/2021 đối với thửa đất số 487, tờ bản đồ 9, loại đất ONT, tọa lạc Ấp 4, xã Q, huyện T, tỉnh Long An cho bà Lưu Thị B.

Bà Lưu Thị B được quyền liên hệ với các cơ quan quản lý nhà nước về đất đai để làm các thủ tục cấp; điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 487, tờ bản đồ 9, loại đất ONT, diện tích đo đạc thực tế là 812,8m^2 tọa lạc Ấp 4, xã Q, huyện T, tỉnh Long An theo Mảnh trích đo địa chính số 68-2022 do Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Trung Nghĩa đo vẽ được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T duyệt ngày 07/4/2022.

Trường hợp bên thi hành án không giao nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bên được thi hành án được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp (hoặc một phần diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp).

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 16/3/2023, ông Trịnh Ngọc Anh K có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 09/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm.

Ngày 06/4/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 09/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An rút một phần kháng nghị. Các bên đương sự không đề nghị thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, không cung cấp thêm chứng cứ mới, không đề nghị triệu tập thêm người làm chứng.

Nguyên đơn ông Đoàn Hữu N có người đại diện là ông Trịnh Ngọc Anh K trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm nhận định hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T và ông N vô hiệu là không có căn cứ vì đất này đã chuyển nhượng cho nhiều người ông N là người nhận chuyển nhượng cuối cùng nên ông

N phải được bảo vệ là người ngay tình được pháp luật bảo vệ. Do dó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông N, sửa bản án sơ thẩm.

Bị đơn bà Lưu Thị B trình bày: Bà không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông N vì bà không có chuyển nhượng quyền sử dụng đất bà chỉ có vay tiền của ông M 100.000.000đồng, nếu ông M yêu cầu bà trả tiền vay thì bà đồng ý trả cho ông M, bà xác định chỉ làm hợp đồng ủy quyền thửa đất số 487 cho ông M để đảm bảo cho việc bà vay tiền.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Quan điểm giải quyết:

Đối với Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An có nêu: Tại các chứng cứ của bị đơn cung cấp có thể hiện bà Trần Ngọc Hiền vợ của ông Phan Văn M xác nhận cho bà Lưu Thị B về việc nhận thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhằm đảm bảo khoản vay 100.000.000đồng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đưa bà Trần Ngọc Hiền vào tham gia tố tụng là vi phạm thủ tục tố tụng về xác định người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời tại đơn phản tố của bà Lưu Thị B còn thể hiện việc bà Lưu Thị B đồng ý trả cho ông Phan Văn M 100.000.000đồng. Trong vụ án này, ông Phan Văn M vắng mặt suốt quá trình tố tụng và Tòa án cũng chưa đưa bà Trần Ngọc Hiền (vợ ông M) vào tham gia tố tụng. Quyết định của bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà Lưu Thị B nhưng không đề cập gì đối với phần tiền vay 100.000.000đồng này trong khi ông Phan Văn M và bà Trần Ngọc Hiền chưa có ý kiến gì về các yêu cầu tranh chấp trong vụ án là chưa giải quyết hết yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm phía bà B xác định chỉ giao dịch với ông Phan Văn M và bà không yêu cầu bà Trần Ngọc Hiền có trách nhiệm cùng ông M cũng như bà không có đóng tiền tạm ứng án phí yêu cầu phản tố để yêu cầu giải quyết phần tiền bà vay của ông M 100.000.000đồng nên Viện kiểm sát rút một phần Kháng nghị về việc đề nghị huỷ bản án sơ thẩm mà đề nghị sửa án sơ thẩm về phần án phí mà các bên phải chịu: Bởi lẽ Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông Đoàn Hữu N phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của ông N đối với bà Lưu Thị B về tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu di dời tài sản trên đất; yêu cầu phản tố của bà Lưu Thị B về yêu cầu vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lê Quốc T, bà Đoàn Thị Thanh T và ông Đoàn Hữu N được Văn phòng công chứng Hồ Thị Hồng Linh chứng nhận ngày 31/12/2020 là phù hợp. Tuy nhiên Tòa án sơ thẩm còn buộc ông Đoàn Hữu N phải chịu án phí do vô hiệu các hợp đồng gồm: hợp đồng ủy quyền giữa Phan Văn M với Lưu Thị B; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Phan Văn M đại diện Lưu Thị B với Lê Thị T T; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử

dụng đất giữa Lê Thị T T với Huỳnh Thị T; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Huỳnh Thị T, ông Lê Trung H với ông Lê Quốc T, là chưa đảm bảo đúng quy định pháp luật bởi ông Đoàn Hữu N không có liên quan trong các giao dịch chuyển nhượng này.

Đối với kháng cáo của ông K đại diện ông Đoàn Hữu N thấy rằng việc nhận chuyển nhượng của ông N không được xem là người thứ ba ngay tình do ông N không có chứng cứ đã nhận đất, hơn nửa trên đất có căn nhà của gia đình bà B, chính ông K đại diện ông N tại phiên toà phúc thẩm cũng xác định đồng ý trả cho bà B hơn bốn trăm triệu tiền nhà và cây trồng trên đất. Do đó, có căn cứ xác định ông N chỉ nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà không bao gồm tài sản gắn liền với đất, do đó không có căn cứ xác định ông N là người thứ ba ngay tình theo quy định tại Điều 133 Bộ luật Dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An về việc sửa bản án sơ thẩm về án phí; không chấp nhận kháng cáo của ông Đoàn Hữu N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Trịnh Ngọc Anh K đại diện ông Đoàn Hữu N và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An được làm đúng theo quy định tại Điều 272, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Lê Thị T T, bà Huỳnh Thị T, ông Lê Trung H, bà Đoàn Thị Thanh T, ông Lê Quốc T, đại diện Văn phòng công chứng Bến Lức, đại diện Văn phòng công chứng N, đại diện Văn phòng công chứng Lê Thị T, đại diện Văn phòng công chứng Hồ Thị Hồng Linh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Phan Văn M đã được Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng và ông Trương Công D, ông Trương Quốc P, bà Nguyễn Thị P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Đoàn Hữu N có người đại diện là ông Trịnh Ngọc Anh K thấy rằng:

[2.1] Ông Trịnh Ngọc Anh K xác định ông Đoàn Hữu N đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 487, tờ bản đồ số 9, diện tích 768,7m^2 tọa lạc tại Ấp 4, xã Q, huyện T, tỉnh Long An từ ông Lê Quốc T, bà Đoàn Thị Thanh T hợp pháp và ông N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông N yêu cầu bà B và những người đang sinh sống trên thửa đất số 487 di dời tài sản để trả lại nhà và thửa đất cho ông N. Bà B không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông N, bà B xác định thửa đất số 487 này là của bà B đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/4/2019. Bà B trình bày hợp đồng ủy quyền giữa bà B và ông Phan Văn

M được ký ngày 24/4/2019 do Văn phòng công chứng Lê Thị T chứng nhận chỉ nhằm đảm bảo cho khoản tiền vay mà bà B đã vay của ông M, cụ thể là năm 2019, bà B có vay của ông Phan Văn M số tiền 100.000.000đồng, chứng cứ bà B cung cấp cho Tòa án là giấy hẹn có nội dung:*"Tôi Phan Văn M hứa tới ngày 12/6/2019 sẽ trả sổ đỏ cho chị Lưu Thị B - bên chị sẽ hoàn trả tiền đủ xóa công chứng''* có chữ ký của ông Phan Văn M, khi ký hợp đồng ủy quyền bà có giao cho ông M giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 487, ông M đem quyền sử dụng đất của bà B chuyển nhượng cho bà T mà không hỏi ý kiến của bà B và bà B xác định hoàn toàn không có nhận tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất do ông M đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà T, bà B cho rằng tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 487 là tài sản chung của bà và chồng là ông Trương Công D được bà Phụng tặng cho vào năm 2019 nhưng lại không ý kiến đồng ý chuyển nhượng của ông D.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho ông M nhưng ông M vẫn vắng mặt và không có ý kiến trình bày gửi đến Tòa án.

[2.3] Xét thấy, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 02/5/2019 giữa bà B ủy quyền cho ông M với bà T, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 30/8/2019 giữa bà T với bà T1, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 13/10/2020 giữa bà T1 và ông H với ông T, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 31/12/2020 giữa ông T và bà T với ông N không có thỏa thuận mua bán nhà ở, không có thỏa thuận các tài sản trên đất nhưng thực tế trên thửa đất đang tranh chấp này có căn nhà của bà B đang quản lý sử dụng từ trước đến nay đã hơn 16 năm; tại phiên tòa ông K đại diện nguyên đơn đồng ý hỗ trợ cho bà B toàn bộ giá trị căn nhà và cây trồng trên thửa đất số 487 theo chứng thư thẩm định giá số 204/28/07/2022/TĐG LA-BĐS ngày 28/7/2022 với số tiền là 436.000.000 đồng nhưng bà B không đồng ý. Ngoài ra, ông K đại diện cho nguyên đơn còn xác định, trước khi nhận chuyển nhượng ông N có đến xem đất và biết trên đất có nhà nhưng không có người sinh sống và thời điểm này ông M xác định đây là căn nhà của ông M, nhưng ông N chỉ trình bày mà không cung cấp được chứng cứ để chứng minh. Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện T và tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự đều xác định trên thửa đất số 487 có 01 căn nhà cấp 4 có kết cấu móng, cột, đà bê tông cốt thép do bà Lưu Thị B, ông Trương Công D, ông Trương Quốc P, bà Nguyễn Thị P trực tiếp quản lý, sử dụng đến nay đã hơn 16 năm.

[3] Từ những phân tích trên: Xét thấy có căn cứ xác định ông N chỉ nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà không có nhận chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất, nên không có căn cứ xác định ông Đoàn Hữu N là người thứ ba

ngay tình theo quy định tại Điều 133 Bộ luật Dân sự. Do đó, Tòa cấp sơ thẩm xác định hợp đồng ủy quyền ngày 24/4/2019 được ký giữa bà B và ông M chỉ nhằm che giấu cho hợp đồng vay tài sản giữa bà B và ông M, theo quy định tại Điều 124 Bộ luật Dân sự nên hợp đồng ủy quyền này bị vô hiệu do giả tạo. Do đó, việc ông M ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà T tại thửa đất số 487 dựa trên hợp đồng ủy quyền đã ký với bà B được chứng thực ngày 24/4/2019, sau đó bà T tiếp tục chuyển nhượng cho nhiều người khác, đồng thời các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này có đối tượng của hợp đồng không thể thực hiện, nên căn cứ Điều 408 Bộ luật Dân sự 2015 xác định các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Phan Văn M (đại diện bà B) với bà Lê Thị T T; giữa bà Lê Thị T T với bà Huỳnh Thị T; giữa bà Huỳnh Thị T, ông Lê Trung H với ông Lê Quốc T; giữa ông Lê Quốc T, bà Đoàn Thị Thanh T với ông Đoàn Hữu N đối với thửa đất số 487 bị vô hiệu là có căn cứ.

[4] Xét đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đoàn Hữu N đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 25/01/2021 đối với thửa đất số 487 là căn cứ vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 31/12/2020 giữa ông Lê Quốc T và bà Đoàn Thị Thanh T với ông Đỗ Hữu Nhân nên có cơ sở xác định việc cấp giấy này là thông qua giao dịch dân sự. Theo hướng dẫn tại Văn bản số 64/TANDTC-PC ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao thì "*khi giải quyết tranh chấp về hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất mà hợp đồng đó bị vô hiệu, nhưng người nhận chuyển quyền đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đã được xác nhận nội dung biến động* thì *không đưa cơ quan có thẩm quyền trong việc cấp giấy tham gia tố tụng và không cần phải tuyên hủy giấy chứng nhận cấp cho người nhận chuyển nhượng. Khi Tòa án tuyên hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất vô hiệu thì Văn phòng đăng ký đất đai, cơ quan Tài nguyên và Môi trường căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án*". Do đó, trong vụ án này không cần thiết phải hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An đã cấp cho ông N, bà B có quyền, nghĩa vụ liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký, kê khai, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo qui định của pháp luật đất đai đối với thửa đất số 487, tờ bản đồ số 9, diện tích đo thực tế 812.8m^2, loại đất ONT, đất toạ lạc tại Ấp 4, xã Q, huyện T, tỉnh Long An.

[5] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An:

Tại phiên tòa phúc thẩm bà B xác định khi vay tiền chỉ giao dịch với ông Phan Văn M và bà chỉ đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính cho ông M, không đưa cho bà Hiền (vợ ông M), bà không yêu cầu bà Hiền có trách nhiệm liên đới cùng ông M tham gia tố tụng giải quyết vụ án này. Trong quá trình Tòa sơ thẩm giải quyết vụ án bà không có đơn yêu cầu phản tố để yêu cầu giải quyết phần tiền bà vay của ông M 100.000.000đồng, nên Viện kiểm sát rút một phần kháng nghị về việc đề nghị huỷ bản án sơ thẩm, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm về phần án phí cụ thể: Tòa án cấp sơ thẩm

tuyên buộc ông Đoàn Hữu N phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của ông N đối với bà Lưu Thị B về tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu di dời tài sản trên đất; yêu cầu phản tố của bà Lưu Thị B về yêu cầu vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lê Quốc T, bà Đoàn Thị Thanh T và ông Đoàn Hữu N được Văn phòng công chứng Hồ Thị Hồng Linh chứng thực ngày 31/12/2020 là phù hợp. Tuy nhiên, Tòa án sơ thẩm còn buộc ông Đoàn Hữu N phải chịu án phí do vô hiệu các hợp đồng ủy quyền giữa ông Phan Văn M với bà Lưu Thị B; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Phan Văn M đại diện bà Lưu Thị B với bà Lê Thị T T; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Lê Thị T T với bà Huỳnh Thị T; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Huỳnh Thị T, ông Lê Trung H với ông Lê Quốc T, là chưa đảm bảo đúng quy định pháp luật vì ông Đoàn Hữu N không có liên quan trong các giao dịch dân sự này. Xét thấy, kháng nghị của Viện kiểm sát đối với phần án phí là có căn cứ nên được xem xét chấp nhận.

[6] Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Hữu Nhân, chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lưu Thị B là có căn cứ. Do đó, kháng cáo của ông Đỗ Hữu Nhân do ông Trịnh Ngọc Anh K đại diện không có cơ sở nên không chấp nhận, có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An. Do đó, cần sửa một phần bản án sơ thẩm.

[7] Phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An là có căn cứ.

[8] Về án phí sơ thẩm:

8.1. Ông Đoàn Hữu N phải chịu 300.000 đồng án phí do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận và 300.000đồng án phí do yêu cầu phản tố của bà Lưu Thị B được chấp nhận, ông N được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí ông N đã nộp là 7.015.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007044 ngày 16/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Hoàn lại cho ông N số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 6.415.000 đồng.

8.2. Bà Lưu Thị B được miễn án phí.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đoàn Hữu N phải chịu 300.000 đồng án phí do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đoàn Hữu N.

Chấp nhận Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 09/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 148, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 124, Điều 408, Điều 500 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 12, Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Hữu N về việc yêu cầu bà Lưu Thị B di dời toàn bộ tài sản trên đất để trả cho ông N thửa đất số 487, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại Ấp 4, xã Q, huyện T, tỉnh Long An.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lưu Thị B về việc yêu cầu vô hiệu hợp đồng ủy quyền, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với ông Phan Văn M, bà Lê Thị T T, bà Huỳnh Thị T, ông Lê Trung H, bà Đoàn Thị Thanh T, ông Lê Quốc T, ông Đoàn Hữu N để trả lại quyền sử dụng đất cho bà B.

2.1. Vô hiệu Hợp đồng ủy quyền số công chứng 697, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD giữa bà Lưu Thị B và ông Phan Văn M được Văn phòng công chứng Lê Thị T chứng thực ngày 24/4/2019.

2.2. Vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 04203, quyển số 01-2019-/TP/CC-SCC/HĐGD giữa ông Phan Văn M và bà Lê Thị T T được Văn phòng công chứng Bến Lức chứng thực ngày 02/5/2019.

2.3. Vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 2848/2019, quyển số 04/TP/CC-SCC/HĐGD giữa bà Lê Thị T T và bà Huỳnh Thị T được Văn phòng công chứng N chứng thực ngày 30/8/2019.

2.4. Vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 3146, quyển số 02/TP/CC-SCC/HĐGD giữa bà Huỳnh Thị T, ông Lê Trung H và ông Lê Quốc T được Văn phòng công chứng Lê Thị T chứng thực ngày 13/10/2020.

2.5. Vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 4589, quyển số 12/TP/CC-SCC/HĐGD giữa ông Lê Quốc T, bà Đoàn Thị Thanh T và ông Đoàn Hữu N được Văn phòng công chứng Hồ Thị Hồng Linh chứng thực ngày 31/12/2020.

2.6. Bà Lưu Thị B được quyền liên hệ với các cơ quan quản lý nhà nước để làm các thủ tục cấp, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 487, tờ bản đồ số 9, loại đất ONT, diện tích đất đo đạc thực tế là 812,8m^2 đất tọa lạc tại ấp 4, xã Q, huyện T, tỉnh Long An.

Vị trí, tứ cận theo Mảnh trích đo địa chính số 68-2022 do Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Trung Nghĩa đo vẽ, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T duyệt ngày 07/4/2022.

2.7. Buộc ông Đoàn Hữu N trả bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 782742 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 25/01/2021 cho ông N đối với thửa đất số 487, tờ bản đồ số 9, loại đất ONT, tọa lạc Ấp 4, xã Q, huyện T, tỉnh Long An để bà Lưu Thị B đăng ký, kê khai cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trường hợp ông N không giao nộp bản

chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà B được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp (hoặc một phần diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp).

3. Về chi phí tố tụng: Ông Đoàn Hữu N phải chịu 21.400.000đồng chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ và 4.500.000đồng chi phí đăng báo đài. Số tiền này ông N đã nộp xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Ông Đoàn Hữu N phải chịu 600.000 đồng, ông N được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí ông N đã nộp là 7.015.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007044 ngày 16/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An. Hoàn lại cho ông N số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 6.415.000 đồng.

4.2. Bà Lưu Thị B được miễn án phí.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đoàn Hữu N phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003315 ngày 31/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. /.

Nơi nhận:
-TAND cấp cao tại TP.HCM;
-VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Thị Cẩm Hồng